TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23-8-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Sóng

Bà Nguyễn Thị Lý

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị L; Nơi ĐKTT: Khu Q, thị trấn M, huyện T1, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 1, xã G, huyện T1, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Quyết T; Nơi cư trú: Khu Q, thị trấn M, huyện T1, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đặng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị chung sống với anh Trần Quyết T do tự nguyện từ năm 2000 có được bố, mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện T1, thành phố Hải Phòng vào ngày 10 tháng 12 năm 2001. Sau khi cưới, chị về chung sống cùng gia đình anh T ở khu Q, thị trấn M, huyện T1, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống ngày từ ngày tháng đầu mới kết

hôn vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, căng thẳng nhất từ năm 2012 đến nay, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Chị có góp ý nhưng anh T không tiếp thu sữa chữa mà còn đánh chửi chị vô cớ. Từ tháng 4 năm 2023 đến nay, chị đã bỏ vè cư trú cùng bố, mẹ đẻ chị ở thôn 1, xã G, huyện T1, thành phố Hải Phòng. Từ khi chị bỏ về đến nay, anh T có đến tìm chị một lần nhưng không có mục đích đoàn tụ mà tìm để đánh chửi chị, chị cũng không lần nào trở về đoàn tụ cùng anh T. Chị và anh T sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh Trần Quyết T có hai con chung là Trần Thị T2, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2001 và Trần Quyết H, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2009. Hiện tại con chung Trần Quyết H do anh T nuôi dưỡng. Chị đề nghị Tòa án giao con chung Trần Quyết H cho anh T nuôi dưỡng vì anh đang ở nhà do vợ chồng xây, còn chị đang ở nhờ nhà bố, mẹ đẻ chị. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Trần Thị T2 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 7 năm 2023, bị đơn là anh Trần Quyết T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống của anh và chị Đặng Thị L theo như lời khai chị L đã khai là đúng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, chị L mải chơi không quan tâm đến cuộc sống gia đình, thường xuyên tụ tập múa hát. Anh có góp ý nhưng chị L không tiếp thu sửa chữa, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm đánh cãi chửi nhau. Hiện tại chị L đã bỏ về cư trú cùng bố, mẹ đẻ chị L ở xã G, sống ly thân với anh. Nay chị L xin ly hôn, anh không đồng ý vì tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để anh và chị L được đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị Đặng Thị L có hai con chung theo như chị L đã khai là đúng. Hiện tại con chung Trần Quyết H do anh nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị L ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi dưỡng con chung Trần Quyết H.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung Trần Thị T2 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã không thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Đặng Thị L được ly hôn anh Trần Quyết T. Về con chung: Giao cho anh T nuôi dưỡng con chung Trần Quyết H, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2009; Không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Đối với con chung Trần Thị T2, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2001 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đề nghị giải quyết. Chị Đặng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đặng Thị L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Quyết T. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Trần Quyết T hiện đang cư trú tại khu Q, thị trấn M, huyện T1, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn anh Trần Quyết T vắng mặt tại phiên tòa có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Quyết T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Trần Quyết T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân thị trấn M, huyện T1, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10 tháng 12 năm 2001, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Căn cứ lời khai các đương sự, căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống chị Đặng Thị L và anh Trần Quyết T đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, nên vợ chồng thường xảy ra va chạm cãi vã xúc phạm nhau. Xét quan hệ hôn nhân của chị L và anh T là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia

đình chấp nhận đề nghị xin được ly hôn của chị L đối với anh T. Anh T có quan điểm tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn, nhưng anh T không có giải pháp gì để khắc phục mâu thuẫn. Hơn nữa, Tòa án đã nhiều lần báo anh T đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, nên việc anh T không đồng ý ly hôn là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Đặng Thị L và anh Trần Quyết T có hai con chung là Trần Thị T2, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2001 và Trần Quyết H, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2009. Chị L và anh T đều đề nghị Tòa án giao con chung Trần Quyết H cho anh T nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện tại chị L là công nhân khu công nghiệp còn anh T lái máy xúc nên khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị L và anh T như nhau. con chung Trần Quyết H có nguyện vọng được ở với bố. Nên chấp nhận yêu cầu của anh T và chị L, giao con chung Trần Quyết H cho anh T nuôi dưỡng. Đối với con chung Trần Thị T2 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Đặng Thị L và anh Trần Quyết T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về tài sản chung: Chị Đặng Thị L và anh Trần Quyết T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa án không giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị Đặng Thị L là nguyên đơn nên chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị L và anh Trần Quyết T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L được ly hôn anh Trần Quyết T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Quyết H, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2009 cho anh Trần Quyết T nuôi dưỡng đến khi con chung Trần Quyết H đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Đối với con chung Trần Thị T2, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2001 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Đặng Thị L và anh Trần Quyết T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

4. Về tài sản chung: Chị Đặng Thị L và anh Trần Quyết T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa án không giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Đặng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị Đặng Thị L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008645 ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Chị Đặng Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND H Thủy Nguyên;
- Chi cục THA DS H Thủy Nguyên;
- UBND xã G, H T1;
(ĐKKH ngày 10 tháng 12 năm 2001);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế